

Số: 101 /TGD – TC

Hà nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018

V/v. Giải trình số liệu thay đổi trong
báo cáo tài chính hợp nhất
năm 2017 sau kiểm toán.

Kính gửi: - UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol.
 - Mã chứng khoán: VNC.
 - Địa chỉ trụ sở chính: 54 Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
 - Điện thoại: 024. 39435638/024. 38226020.
 - Fax: 024. 39433844.
 - Người thực hiện công bố thông tin: Phan Văn Hùng.
2. Nội dung thông tin công bố:
 - + Giải trình thay đổi số liệu giữa báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol trước và sau kiểm toán (Phụ lục 2).
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 23./.03./2018 tại đường dẫn (<http://vinacontrol.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên.
- Chủ tịch HĐQT (để báo cáo).
- Lưu TC, VT.



Mai Tiến Dũng



PHỤ LỤC 2 (Đính kèm công văn số 101 /TGD-TC ngày 23 /03/2018)

Thực hiện quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol xin được giải trình thay đổi số liệu giữa báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất quý 4/2017 đã công bố như sau:

STT	Những chỉ tiêu thay đổi	Mã số	Số liệu theo BCTC quý 4/2017 đã công bố	Số liệu theo BCTC năm 2017 đã kiểm toán	Chênh lệch giữa BCTC đã kiểm toán so với BCTC đã công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
I/.	Bảng cân đối kế toán:				
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	81.959.349.934	80.980.766.806	-978.583.128
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.304.692.466	3.562.604.966	-742.087.500
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	7.390.809.752	8.402.915.093	1.012.105.341
4	Hàng tồn kho	141	4.085.028.226	4.079.814.026	-5.214.200
5	Phải thu dài hạn khác	216	0	43.350.000	43.350.000
6	Giá trị hao mòn lũy kế	223	-84.596.507.194	-84.574.531.388	21.975.806
7	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.967.108.736	5.788.030.536	2.820.921.800
8	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	2.247.979.679	2.212.752.413	-35.227.266
9	Phải trả người bán ngắn hạn	311	10.338.523.670	12.417.357.970	2.078.834.300
10	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13.160.232.072	13.145.470.103	-14.761.969
11	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	17.745.827.791	17.723.501.391	-22.326.400
12	Phải trả ngắn hạn khác	319	3.661.388.767	2.561.031.068	-1.100.357.699
13	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.744.819.230	5.444.819.230	700.000.000
14	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	-752.530.628	302.924.713	1.055.455.341
15	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	6.756.850.770	6.056.850.770	-700.000.000
16	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	141.141.383	0	-141.141.383
17	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	25.610.567.343	25.885.862.638	275.295.295
18	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	2.587.612.526	2.593.855.894	6.243.368
II/.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	518.783.832.155	518.781.420.882	-2.411.273
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	10	518.783.832.155	518.781.420.882	-2.411.273
3	Giá vốn hàng bán	11	406.448.086.592	409.070.141.693	2.622.055.101
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	112.335.745.563	109.711.279.189	-2.624.466.374
5	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.365.335.308	565.108.042	-800.227.266
6	Chi phí bán hàng	25	23.992.309.400	25.432.758.629	1.440.449.229
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	44.446.895.033	40.389.604.903	-4.057.290.130
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	44.179.034.517	43.371.181.778	-807.852.739
9	Thu nhập khác	31	2.879.848.093	2.894.610.062	14.761.969
10	Lợi nhuận khác	40	125.156.634	139.918.603	14.761.969
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	44.304.191.151	43.511.100.381	-793.090.770
12	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	33.957.704.465	33.164.613.695	-793.090.770
13	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	33.270.211.387	32.473.623.734	-796.587.653
14	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	687.493.078	690.989.961	3.496.883
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	3.169	3.093	-76

Lý do:

I/. Bảng cân đối kế toán:

1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng (mã số 131): Số chênh lệch giảm 978.583.128 đồng là do:
 - ✓ Bù trừ công nợ phải thu (TK131) và công nợ phải trả (TK338) cho khách hàng trên báo cáo tài chính tổng hợp (Văn phòng Công ty) làm giảm khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng số tiền 953.845.455 đồng.
 - ✓ Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) điều chỉnh giảm công nợ phải thu khách hàng 245.590.400 đồng tương ứng với doanh thu và thuế GTGT đầu ra do ghi nhận doanh thu trích trước năm 2016 của Công ty TNHH MTV chăn nuôi Đồng Phát trong năm 2017.
 - ✓ Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) điều chỉnh trích trước doanh thu do ghi nhận thiếu năm 2017 làm tăng khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng số tiền 220.852.727 đồng.
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn (mã số 132): Số chênh lệch giảm 742.087.500 đồng do đơn vị chuyển khoản nợ ứng trước cho nhà cung cấp thành chi phí xây dựng cơ bản dở dang.
3. Phải thu ngắn hạn khác (mã số 136): Số chênh lệch tăng 1.012.105.341 đồng là do:
 - ✓ Kết chuyển số dư bên nợ của quỹ khen thưởng phúc lợi sang khoản phải thu khác tại báo cáo tài chính tổng hợp, bởi quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 được trích lập khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 nên làm tăng khoản phải thu ngắn hạn khác 1.055.455.341 đồng.
 - ✓ Phân loại lại khoản tiền ký quỹ, ký cược của công ty con (Công ty TNHH giám định Vinacontrol TP. HCM) số tiền 43.350.000 đồng từ ngắn hạn sang dài hạn theo đúng quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về thu ngắn hạn và dài hạn nên làm giảm khoản phải thu ngắn hạn khác.
4. Hàng tồn kho (mã số 141): Số chênh lệch giảm 5.214.200 đồng là do kết chuyển chi phí xây dựng dở dang sang giá vốn hàng bán tại công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol).
5. Phải thu dài hạn khác (mã số 216): Số chênh lệch tăng 43.350.000 đồng là do phân loại lại khoản tiền ký quỹ, ký cược của công ty con (Công ty TNHH giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh) từ ngắn hạn sang dài hạn theo đúng quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về thu ngắn hạn và dài hạn.
6. Giá trị hao mòn lũy kế (mã số 223): Số biến động giảm 21.975.806 đồng là do điều chỉnh khấu hao của xe ô tô mà Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) mua từ công ty con (Công ty TNHH giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh).
7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (mã số 242): Số chênh lệch tăng 2.820.921.800 đồng là do:

1001
CÔNG
CƠ
TẬP
VINAC
Á TRƯ

- ✓ Đơn vị hạch toán tăng giá trị xây dựng cơ bản dở dang theo tiến độ của Hợp đồng triển khai phần mềm quản trị doanh nghiệp (Tổng Công ty viễn thông Viettel – Chi nhánh Tập đoàn viễn thông quân đội) với số tiền 700.671.800 đồng.
- ✓ Đơn vị chuyển phần tiền trả trước cho nhà cung cấp (Công ty TNHH đầu tư phát triển Sao Đại Dương) với số tiền 2.120.250.000 đồng sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang.
- 8. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (mã số 252): Số chênh lệch giảm 35.227.266 đồng là do giảm giá trị đầu tư tương ứng với lợi ích đơn vị được hưởng từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 của công ty liên kết (Văn phòng công chứng Thăng Long) mà công ty này phân phối cho Vinacontrol trong năm 2017.
- 9. Phải trả người bán ngắn hạn (mã số 311): Số chênh lệch tăng 2.078.834.300 đồng là do:
 - ✓ Đơn vị hạch toán tăng 700.671.800 đồng tương ứng với giá trị xây dựng cơ bản dở dang theo tiến độ của Hợp đồng triển khai phần mềm quản trị doanh nghiệp với Tổng Công ty viễn thông Viettel – Chi nhánh Tập đoàn viễn thông quân đội làm tăng khoản phải trả người bán ngắn hạn.
 - ✓ Đơn vị chuyển từ phần tiền đã ứng trước cho nhà cung cấp (Công ty TNHH đầu tư phát triển Sao Đại Dương) sang phải trả cho nhà cung cấp để tương ứng với chi phí xây dựng cơ bản dở dang 1.378.162.500 đồng.
- 10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn (mã số 312): Số chênh lệch giảm 14.761.969 đồng là do: Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) xóa sổ khoản công nợ người mua trả tiền trước (Công ty TNHH MTV chăn nuôi Đồng Phát) thành thu nhập khác.
- 11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (mã số 313): Số chênh lệch giảm 22.326.400 đồng là do: Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) điều chỉnh giảm thuế giá trị gia tăng đầu ra tương ứng với phần doanh thu trích trước năm 2016 từ Công ty TNHH MTV chăn nuôi Đồng Phát.
- 12. Phải trả ngắn hạn khác (mã số 319): Số chênh lệch giảm 1.100.357.699 đồng là do:
 - ✓ Đơn vị bù trừ công nợ phải thu (TK131) và công nợ phải trả (TK338) cho khách hàng (Công ty TNHH xây dựng Duy Mạnh) làm giảm khoản phải trả ngắn hạn khác số tiền 953.845.455 đồng.
 - ✓ Điều chỉnh số dư khoản đầu tư vào 2 công ty liên kết: Công ty CP kiểm định xây dựng Idico Vinacontrol (số tiền 96.087.878 đồng) và Công ty CP đấu giá và thương mại Thăng Long (số tiền 50.424.366 đồng) do thực tế đã thanh lý khoản đầu tư này làm giảm khoản phải trả ngắn hạn khác số tiền 146.512.244 đồng.
- 13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (mã số 320): Số chênh lệch tăng 700.000.000 đồng là do đơn vị phân loại lại khoản tiền vay theo đúng quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về nợ ngắn và dài hạn. Trong đó:
 - ✓ Tại báo cáo tài chính tổng hợp: tăng 500.000.000 đồng (Vinacontrol Hải Phòng)
 - ✓ Tại Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) tăng 200.000.000 đồng.
- 14. Quỹ khen thưởng phúc lợi (mã số 322): Số chênh lệch tăng 1.055.455.341 đồng là do đơn vị kết chuyển số dư bên nợ của quỹ khen thưởng phúc lợi sang khoản phải thu khác, bởi

quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 được trích lập khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

15. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (mã số 338): Số chênh lệch giảm 700.000.000 đồng là do đơn vị chuyển bút sang chỉ tiêu “vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn” theo đúng quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về nợ ngắn và dài hạn.
16. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (mã số 421a): Số chênh lệch giảm 141.141.383 đồng là do gộp chỉ tiêu này với lợi nhuận chưa phân phối năm nay.
17. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này (mã số 421b): Số chênh lệch tăng 275.295.295 đồng là do:
 - ✓ Gộp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước sang 141.141.383 đồng làm tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này.
 - ✓ Điều chỉnh giảm khấu hao của ô tô mà các công ty con mua, bán cho nhau 21.975.806 đồng nên làm tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này.
 - ✓ Điều chỉnh số dư khoản đầu tư 146.512.244 đồng vào 2 công ty liên kết: Công ty CP kiểm định xây dựng Idico Vinacontrol và Công ty CP đấu giá và thương mại Thăng Long do thực tế đã thanh lý khoản đầu tư này nên làm tăng lợi nhuận chưa phân phối kỳ này.
 - ✓ Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) điều chỉnh tăng tổng doanh thu 235.614.696 đồng (doanh thu cung cấp dịch vụ: 220.852.727 đồng; thu nhập khác: 14.761.969 đồng) đồng thời giảm doanh thu cung cấp dịch vụ đã ghi nhận 223.264.000 đồng và tăng giá vốn hàng bán 5.214.200 đồng nên làm tăng lợi nhuận sau thuế năm 2017 là 7.136.496 đồng. Từ đó làm tăng lợi nhuận chưa phân phối kỳ này 3.639.613 đồng tương ứng 51% của cổ đông công ty mẹ từ phần lợi nhuận sau thuế tăng thêm của công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol).
 - ✓ Điều chỉnh giảm lợi nhuận chưa phân phối kỳ này để tăng lợi ích của cổ đông không kiểm soát 2.746.485 đồng tương ứng 49% của phần lợi nhuận tăng 5.605.072 đồng do điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 tại công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol).
 - ✓ Điều chỉnh khoản lợi ích đơn vị được hưởng 35.227.266 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 của công ty liên kết (Văn phòng công chứng Thăng Long) đã phân phối cho Vinacontrol trong năm 2017 nên làm giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này.
18. Lợi ích cổ đông không kiểm soát (mã số 429): Số chênh lệch tăng 6.243.368 đồng là do:
 - ✓ Tăng 2.746.485 đồng tương ứng 49% lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ phần lợi nhuận tăng 5.605.072 đồng do điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 tại công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol).
 - ✓ Tăng 3.496.883 đồng tương ứng với 49% lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ số lợi nhuận tăng sau kiểm toán 7.136.496 đồng của công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol).

II/. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 01): Số chênh lệch giảm 2.411.273 đồng là do: Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol):

- ✓ Điều chỉnh giảm phần doanh thu trích trước năm 2016 từ Công ty TNHH MTV chăn nuôi Đồng Phát với số tiền 223.264.000 đồng.
- ✓ Điều chỉnh tăng phần trích trước doanh thu do ghi nhận thiếu năm 2017 là 220.852.727 đồng.
- 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 10): Số chênh lệch giảm 2.411.273 đồng là do giảm số liệu tại chỉ tiêu “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.
- 3. Giá vốn hàng bán (mã số 11): Số chênh lệch tăng 2.622.055.101 đồng là do:
 - ✓ Điều chỉnh từ Chi phí quản lý doanh nghiệp sang giá vốn hàng bán cho đúng tính chất tài khoản tại báo BCTC tổng hợp 2.586.840.901 đồng.
 - ✓ Điều chỉnh 30.000.000 đ phí kiểm toán của Công con (Công ty CP chứng nhận và kiểm định Vinacontrol) từ Chi phí quản lý doanh nghiệp sang giá vốn hàng bán cho đúng tính chất tài khoản.
 - ✓ Kết chuyển chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang vào giá vốn hàng bán số tiền 5.214.200 đồng tại công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol).
- 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 20): Số chênh lệch giảm 2.624.466.374 đồng là do biến động về doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán.
- 5. Doanh thu hoạt động tài chính (mã số 21): Số chênh lệch giảm 800.227.266 đồng là do:
 - ✓ Loại trừ cổ tức được chia 765.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 mà công ty con (Công ty CP chứng nhận và kiểm định Vinacontrol) chuyển về.
 - ✓ Loại trừ lợi nhuận được chia 35.227.266 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 của công ty liên kết (Văn phòng công chứng Thăng Long) đã phân phối cho Vinacontrol trong năm 2017.
- 6. Chi phí bán hàng (mã số 25): Số chênh lệch tăng 1.440.449.229 đồng là do đơn vị điều chỉnh từ Chi phí quản lý doanh nghiệp sang chi phí bán hàng cho đúng tính chất tài khoản.
- 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp (mã số 26): Số chênh lệch giảm 4.057.290.130 là do:
 - ✓ Điều chỉnh 4.027.290.130 đồng từ Chi phí quản lý doanh nghiệp sang giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng cho đúng tính chất tài khoản tại BCTC tổng hợp.
 - ✓ Điều chỉnh 30.000.000 đ phí kiểm toán của Công con (Công ty CP chứng nhận và kiểm định Vinacontrol) từ Chi phí quản lý doanh nghiệp sang giá vốn hàng bán cho đúng tính chất tài khoản.
- 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (mã số 30): Số chênh lệch giảm 807.852.739 đồng là do sự biến động của các chỉ tiêu liên quan trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- 9. Thu nhập khác (mã số 31): Số chênh lệch tăng 14.761.969 đồng là do xóa sổ khoản công nợ người mua trả tiền trước (Công ty TNHH MTV chăn nuôi Đồng Phát) tại công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol).
- 10. Lợi nhuận khác (mã số 40): Số chênh lệch tăng 14.761.969 đồng là do sự biến động tăng của thu nhập khác.

11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (mã số 50): Số chênh lệch giảm 793.090.770 đồng là do sự biến động các chỉ tiêu liên quan. Cụ thể:
- ✓ Giảm doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ 2.411.273 đồng tại Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) nên làm giảm lợi nhuận kế toán trước thuế.
 - ✓ Tăng giá vốn hàng bán 2.622.055.101 đồng (trên BCTC tổng hợp: 2.586.840.901 đồng; tại Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol: 5.214.200 và Công ty CP chứng nhận và kiểm định Vinacontrol: 30.000.000 đồng) nên làm giảm tổng lợi nhuận kế toán trước thuế.
 - ✓ Giảm doanh thu hoạt động tài chính 800.227.266 đồng (Trong đó: Loại trừ cổ tức được chia 765.000.000 đồng từ công ty con; loại trừ lợi nhuận được chia từ công ty liên kết 35.227.266 đồng) nên làm giảm tổng lợi nhuận kế toán trước thuế.
 - ✓ Tăng chi phí bán hàng 1.440.449.229 đồng nên làm giảm tổng lợi nhuận kế toán trước thuế.
 - ✓ Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 4.057.290.130 đồng (trên báo cáo tài chính tổng hợp: 4.027.290.130 đồng và tại công ty con: 30.000.000 đồng) nên làm tăng tổng lợi nhuận kế toán trước thuế.
 - ✓ Thu nhập khác của công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) tăng 14.761.969, từ đó làm tăng tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất.
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (mã số 60): Số chênh lệch giảm 793.090.770 đồng là do sau khi thực hiện các bút toán điều chỉnh:
- ✓ Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) tăng 7.136.496 đồng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - ✓ Loại trừ cổ tức được chia 765.000.000 từ công ty con chuyển về làm giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - ✓ Loại trừ lợi nhuận được chia 35.227.266 đồng từ công ty liên kết chuyển về làm giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.
13. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (mã số 61): Số chênh lệch giảm 796.587.653 đồng là do:
- ✓ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 793.090.770 đồng nên làm giảm lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ.
 - ✓ Tăng lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát 3.496.883 đồng tương ứng với 49% lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ số lợi nhuận tăng sau kiểm toán 7.136.496 đồng của công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) nên làm giảm lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ.
14. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát (mã số 62): Số chênh lệch tăng 3.496.883 đồng tương ứng tỷ lệ lợi ích 49% của các cổ đông không kiểm tại công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) vì sau kiểm toán lợi nhuận sau thuế của công ty này tăng 7.136.496 đồng.
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (mã số 70): Số chênh lệch giảm 76 đồng là do lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ bị giảm.